

Bản án số: 190/2021/DS-PT

Ngày 14 tháng 4 năm 2021

“V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung.

Ông Lê Hoàng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 533/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 368/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Hữu N, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Bạch M, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 48, Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An, vắng mặt..

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Bạch M: Ông Võ Thành T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An, có mặt. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Võ Thành T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An, có mặt.

3.2. Bà Võ Thị Bạch Y, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 48, Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An, có mặt.

3.3. Bà Võ Thị Bạch P, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 48, Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Bạch Y, bà Võ Thị Bạch P có: Ông Võ Thành T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An có mặt. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021)

3.4. Ông Võ Thanh L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 48, Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An, có mặt.

3.5. Ông Võ Thành O, sinh năm 1952. Địa chỉ: 517 W Eugenia Loambard IL 60148 USA, vắng mặt.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Long An: Ông Nguyễn Tuấn T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Long An: Ông Nguyễn Hoài T, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, tỉnh Long An, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo: Bà Võ Thị Bạch M là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2019 và các lời khai bổ sung nguyên đơn ông Võ Hữu N trình bày: Cha mẹ ông là cụ Võ Đăng K (chết năm 1996) và cụ Nguyễn Thị T (chết năm 1993) có 07 người con gồm các ông bà Võ Hữu N, Võ Thị Bạch M, Võ Thành T, Võ Thị Bạch Y, Võ Thị Bạch P, Võ Thanh L, Võ Thành O.*

Cụ K và cụ T có tạo lập được tài sản là thửa đất 161, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại số 39 đường Lãnh Binh T, Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An diện tích đất 66,8m² loại đất ODT và các thửa đất 437, 807 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp 1, xã Long H, huyện G, tỉnh Long An. Khi cụ K và cụ T chết không để lại di chúc. Do ông N đi làm ăn xa, các anh chị em trong gia đình tự ý giao cho bà M kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất và bà M đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/3/2019.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 161 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại số 39 đường Lãnh Binh T, Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An và các thửa đất 437, 807 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp 1, xã Long H, huyện G, tỉnh Long An. Ông N yêu cầu nhận giá trị di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2019 ông N có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các thửa đất 437, 807 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp 1, xã Long H, huyện G, tỉnh Long An. Giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa 161 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại số 39 đường Lãnh Binh T, Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An và yêu cầu nhận giá trị di sản thừa kế.

- *Bị đơn bà Võ Thị Bạch M trình bày:* Cụ ông Võ Đăng K (mất năm 1996) và cụ bà Nguyễn Thị T (mất năm 1993) có tổng cộng 7 người con: Ông Võ Thành an (đi nước ngoài từ năm 1977 theo diện vượt biên, hiện không rõ nơi cư trú), ông Võ Hữu N, ông Võ Thành T, ông Võ Thanh L (hiện nay bị tai biến, mất khả năng nhận thức, hiện do ông T trực tiếp nuôi dưỡng), bà Võ Thị Bạch M, bà Võ Thị Bạch Y và bà Võ Thị Bạch P. Ông Võ Hữu N đã bỏ nhà đi từ khoảng năm 1983. Gia đình đã mất liên lạc hoàn toàn với ông N từ năm 1983 đến khi nhận được thông báo ông N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế.

Nguồn gốc thửa đất số 161, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại số 39 đường Lãnh Binh T, Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An là do bà M nhận chuyển nhượng của ông Tô Văn N với giá 06 chỉ vàng 24K vào năm 1983. Khi nhận chuyển nhượng thì chỉ làm giấy tay có xác nhận của ông Năm Nuôi. Sau đó, bà M sử dụng ổn định thửa đất trên không ai tranh chấp nên được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/3/2019. Hiện trạng căn nhà trên thửa đất 161 trước đây là nhà lá, nền đất, mái ngói. Đến năm 2006, căn nhà xuống cấp đến mức không sử dụng được nên bà M mới bỏ tiền ra xây mới toàn bộ, đến năm 2008 xây thêm như hiện trạng hiện nay.

Nguồn gốc hai thửa đất số 436, 807 tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp 1, xã Long H, huyện G, tỉnh Long An là do bà M và ông T xin nhận đất canh tác khi Nhà nước cấp đất theo lao động vào năm 1977. Sau khi nhận đất thì bà M và các anh em trong gia đình gồm ông T, bà Võ Thị Bạch Y, bà Võ Thị Bạch P và ông Võ Thanh L cùng bỏ tiền ra đầu tư, khai thác và canh tác.

Sau khi Tập đoàn tan rã thì bà M trực tiếp đứng tên và canh tác và sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Đến năm 1993, Nhà nước có chủ trương cấp giấy thì bà M kê khai và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thành T, Võ Thị Bạch Y, Võ Thị Bạch P trình bày:* Thống nhất với ý kiến của bà M. Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N vì thửa đất 161 là của bà M. Không có yêu cầu chia thừa kế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện G có văn bản xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST Ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 35, 188, 127 và Điều 344 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng Điều 650, 651 và khoản 2 Điều 486 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100, 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N đối với bà Võ Thị Bạch M, ông Võ Thành T, bà Võ Thị Bạch Y, bà Võ Thị Bạch P về việc yêu cầu chia thừa kế.

Chia cho ông Võ Hữu N được nhận thừa kế giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 161 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại số 39 đường Lãnh Binh T, Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An bằng số tiền 338.058.000 đồng.

Buộc bà Võ Thị Bạch M có nghĩa vụ giao cho ông N số tiền 338.058.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông N, yêu cầu chia thừa kế các thửa đất số 436 và 807 tờ bản đồ 6, tọa lạc tại ấp 1, xã Long H, huyện Cần Giộc, tỉnh Long An và về quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật; về việc không chấp nhận yêu cầu của ông N đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 920236 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/3/2019 cho bà M; về chi phí đo đạc, thẩm định; về miễn án phí dân sơ thẩm; về quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2020 bà Võ Thị Bạch M kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 161 tờ bản đồ số 4 diện tích 66,8m² loại đất ODT tọa lạc tại Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An. Ngày 17/2/2020 bà M có văn bản kháng cáo bổ sung đồng ý chia cho ông N số tiền 110.386.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị đơn bà Võ Thị Bạch M có ông Võ Thành T làm đại diện cho rằng cha mẹ của ông không có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 161 tờ bản đồ số 4 diện tích 66,8m² loại đất ODT tọa lạc tại Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An nên thửa đất 161 không phải là di sản để chia thừa kế. Tòa án sơ thẩm căn cứ vào biên bản xác minh của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện G để xác định thửa đất 161 là di sản của cụ T là không đúng.

- Nguyên đơn ông Võ Hữu N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của bà M hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế cho các đương sự là có căn cứ. Vì vậy đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Bạch M làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Bạch M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn bà M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà Y, Bà P đều cho rằng thửa đất 161 là tài sản của bà M mua của ông Tô Văn N giá 05 chỉ vàng 24k và Mai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 920236 ngày 20/3/2019. Việc mua có làm giấy tay, có xác nhận của ông Dương Ngọc N. Tuy nhiên, tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/11/2018 của bà Võ Thị Bạch M (Bút lục số 112) hiện đang lưu giữ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G thì bà M khai nguồn gốc thửa đất 161 là do vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Võ Đăng K thuê của ông Tô Văn N trước năm 1975. Đến năm 1982 ông Ngọc chuyển nhượng lại phần đất có nhà cho gia đình bà T sử dụng cho đến nay. Nay con bà T là bà Võ Thị Bạch M xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu; Tại biên bản họp gia đình ngày 31/01/2019 (Bút lục số 121) có nội dung: "...về thửa đất 161 do ông Ngọc chuyển nhượng cho gia đình bà T vào năm 1982. Nay bà T đã mất, anh em chúng tôi (ông T, bà M, bà Y, Bà P) trực tiếp quản lý và sử dụng cho đến nay. Hôm nay chúng tôi đồng ý ký tên giao toàn quyền quyết định và sử dụng thửa đất 161 thống nhất để bà M được kê khai đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản trên đất". Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cũng thừa nhận chính ông đã viết biên bản họp gia đình ngày 31/01/2019 nhưng thửa đất 161 là do bà M bỏ tiền ra để mua của ông Ngọc chứ không phải của bà T.

Mặt khác, tại biên bản lấy ý kiến khu dân cư ngày 03/7/2018 của Khu phố X, Thị trấn C và Tờ trình số 10312/TTr-TN&MT ngày 18/02/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G đều xác định thửa đất 161 có nguồn gốc là của ông Tô Văn N quản lý và sử dụng trước năm 1975 có xây dựng nhà ở cho vợ chồng bà T, ông K thuê để ở. Năm 1982 ông Tô Ngọc chuyển nhượng lại cho gia đình bà Nguyễn Thị T sử dụng ổn định không có tranh chấp. Hiện nay bà M đang quản lý sử dụng (theo biên bản họp gia đình kèm theo).

Ngoài ra, lời khai của những người làm chứng như bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Th, bà Võ Thị T đã khai biết rõ việc vợ chồng bà T mua nhà và đất của ông Tô Ngọc và lời khai của bà Tô Thị Bạch Tuyết con của cụ Tô Văn N xác nhận rằng cha bà bán nhà cho cụ Nguyễn Thị T.

Như vậy, có căn cứ xác định quyền sử dụng đất thửa 161 tại số 39 Lãnh Bình T, Thị trấn C là tài sản do cụ T chuyển nhượng của ông Tô Ngọc.

Do cụ T chết không để lại di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ T chết để lại

là quyền sử dụng đất thuộc thửa 161 tờ bản đồ số 4 tại số 39 đường Lãnh Binh T, Khu phố X, Thị trấn C, tỉnh Long An và buộc bà M có nghĩa vụ chia cho ông Võ Hữu N 01 kỷ phần thửa kế giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 161 tờ bản đồ số 4 tại số 39 đường Lãnh Binh T Khu phố X, Thị trấn C, tỉnh Long An trị giá bằng tiền 338.058.000 đồng là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Võ Thị Bạch M kháng cáo cho rằng thửa đất 161 tài sản riêng của bà M bà do bà chuyển nhượng và có người làm chứng là chưa phù hợp với nhận định trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bà M không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Võ Thị Bạch M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà M không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng xét bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm về việc đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông N yêu cầu chia cầu chia thửa kế các thửa đất số 436 và 807 tờ bản đồ 6, tọa lạc tại ấp 1, xã Long H, huyện G, tỉnh Long An và về quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật; về việc không chấp nhận yêu cầu của ông N đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 920236 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/3/2019 cho bà M; về chi phí đo đạc, thẩm định; về miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Bạch M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST Ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng Điều 650, 651 và khoản 2 Điều 486 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100, 167 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hữu N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 161 tờ bản đồ số 4 tại số 39 đường Lãnh Binh T Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An.

1.1. Chia thừa kế cho ông Võ Hữu N giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 161 tờ bản đồ số 4 tại số 39 đường Lãnh Binh T Khu phố X, Thị trấn C, huyện G, tỉnh Long An trị giá bằng tiền 338.058.000 đồng (Ba trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi tám ngàn đồng).

1.2. Buộc bà Võ Thị Bạch M có nghĩa vụ giao cho ông N số tiền 338.058.000 đồng (Ba trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi tám ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Võ Thị Bạch M.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm về việc đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông N yêu cầu chia thừa kế các thửa đất số 436 và 807 tờ bản đồ 6, tọa lạc tại ấp 1, xã Long H, huyện G, tỉnh Long An và về quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật; về việc không chấp nhận yêu cầu của ông N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 920236 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/3/2019 cho bà M; về chi phí đo đạc, thẩm định; về miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)